

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3157/QĐ-EVNSPC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT)

**Gói 32: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 17 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn)**

## TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-HĐTV ngày 19/4/2024 Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc Ban hành Quy định phân cấp mua sắm vật tư thiết bị và lập kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 3287/QĐ-EVNSPC ngày 28/11/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về phân công nhiệm vụ, công tác của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-HĐTV ngày 01/6/2025 của Hội đồng thành viên về việc Ban hành Quy chế phân cấp quản lý giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-EVNSPC ngày 01/6/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về Quy chế phân cấp quản lý giữa Tổng Giám đốc và Giám đốc đơn vị trực thuộc trong EVNSPC (QĐ 1677);

Căn cứ Quyết định số 2685/QĐ-EVNSPC ngày 04/09/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc thành lập Bên mời thầu cho các gói thầu thuộc lĩnh vực: Kinh tế, tài chính; Lao động tiền lương; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Y tế; Văn phòng; Đầu tư xây dựng các dự án/công trình nguồn điện,

lưới điện trung hạ thế; Đấu thầu mua sắm tập trung phần lưới trung hạ thế cho các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 2740/QĐ-EVNSPC ngày 09/09/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Kế hoạch VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 2959/QĐ-EVNSPC ngày 05/10/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam Về Việc phê duyệt Kế hoạch mua sắm VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-HĐTV ngày 15/10/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Quyết định số 264/QĐ-HĐTV ngày 19/10/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Quyết định số 3079/QĐ-EVNSPC ngày 19/10/2025/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt dự toán các gói thầu mua sắm VTTB nhu cầu ĐTXD trung và hạ thế Đợt 2 - năm 2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Tờ trình số 1855/VT ngày 23/10/2025 của Tổ chuyên gia/Bên mời thầu về việc phê duyệt E-HSMT Gói 32: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 17 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Căn cứ Báo cáo số 1435/QLĐT ngày 23/10/2025 của Bộ phận thẩm định - Ban Quản lý đấu thầu về việc thẩm định E-HSMT Gói 32: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 17 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn);

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đấu thầu Tổng công ty Điện lực miền Nam.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói 32: Mua sắm Dây cáp điện các loại cho các Tỉnh miền Tây 17 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán dự toán Mua sắm tập trung VTTB trung và hạ thế Đợt 1 - năm 2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam (Dây dẫn) với nội dung theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Giao Ban Vật tư chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Trưởng Ban: Vật tư, Quản lý đầu thầu, Kỹ thuật, Tài chính kế toán, Pháp chế Tổng công ty Điện lực miền Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TGD;
- Các Ban: VT, QLĐT, KT, TCKT, PC;
- Ban VT (01 bản giấy để đăng tải trên HTMĐTQG);
- Lưu: VT, QLĐT. N.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Thanh Nhân**

**Phụ lục**  
**NỘI DUNG HỒ SƠ MỜI THẦU (E-HSMT)**

**GÓI 32: MUA SẮM DÂY CÁP ĐIỆN CÁC LOẠI CHO CÁC TỈNH MIỀN TÂY 17 THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN DỰ TOÁN MUA SẮM TẬP TRUNG VTTB TRUNG VÀ HẠ THỂ ĐỢT 1 - NĂM 2026 CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM (DÂY DẪN)**

**Tài liệu mẫu để chuẩn bị hồ sơ mời thầu (E-HSMT)**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;
- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Mẫu số 4A Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, ban hành theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**Nội dung hồ sơ mời thầu:**

- 1. Hiệu lực hồ sơ dự thầu:**  $\geq 90$  ngày kể từ ngày đóng thầu.
- 2. Bảo đảm dự thầu:** có giá trị **1.740.000.000 VNĐ**, hiệu lực  $\geq 120$  ngày, kể từ ngày đóng thầu
- 3. Phạm vi cung cấp của gói thầu:** Cung cấp dây dẫn.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LV-ABC]-3x50	Mét	205.448
2	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LV-ABC]-3x70	Mét	319
3	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LV-ABC]-4x50	Mét	25.372
4	Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế cách điện XLPE 0,6/1kV [LV-ABC]-4x120	Mét	145.962
5	Dây đồng bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [CXH]-70	Mét	142
6	Dây đồng bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [CXH]-150	Mét	404
7	Dây đồng bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [CXH]-185	Mét	285
8	Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [ACXH]-50/8	Mét	189.707

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng
9	Dây nhôm lõi thép bọc chống thấm Cách điện XLPE, vỏ HDPE 24 kV [ACXH]-240/32	Mét	26.424
10	Dây Nhôm Trần Lõi Thép [As/ACSR]-70/11	kg	5.458
11	Dây thép trần xoắn mạ kẽm TK-50	kg	35.791
12	Dây thép trần xoắn mạ kẽm TK-35	kg	840
13	Cáp ngầm 3 pha 24 kV ruột đồng, cách điện XLPE, bọc giáp thép (CXV/DSTA)- 3x50mm <sup>2</sup>	mét	7.667
14	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 50mm <sup>2</sup>	mét	579
15	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 70mm <sup>2</sup>	mét	1.486
16	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 95 mm <sup>2</sup>	mét	861
17	Dây nhôm cách điện PVC hạ thế 0,6/1kV [AV] - 120 mm <sup>2</sup>	mét	1.408

#### 4. Giá dự thầu

- Hàng hoá được giao tại kho các Công ty Điện lực;
- Giá chào thầu là giá bao gồm: Tất cả các chi phí sản xuất, lắp đặt cung cấp cho gói thầu, bảo hiểm, chi phí dịch vụ liên quan, chi phí vận chuyển, chi phí bốc dỡ giao hàng đến tận nơi yêu cầu của Bên mua, chi phí cho công tác thử nghiệm, nghiệm thu và thuế GTGT, các chi phí, lệ phí khác liên quan (nếu có).
- Nhà thầu phải điền đầy đủ các thông tin và bảng giá dự thầu chi tiết đơn giá vật tư thiết bị theo phụ lục đính kèm E-HSMT.

#### 5. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

#### 6. Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá

- Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp trong hồ sơ mời thầu.
- Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương
  - Tài liệu kỹ thuật như: tiêu chuẩn hàng hóa, tính năng, thông số kỹ thuật, bảo hành, catalogue, bản vẽ (nếu có),... của từng loại hàng hóa.
  - Chứng chỉ ISO 9001 của nhà sản xuất hoặc chứng chỉ tương đương.
  - Biên bản thử nghiệm điển hình/thử nghiệm mẫu do phòng thử nghiệm quy định trong phần đặc tính kỹ thuật ban hành.
  - Nhà thầu phải xuất trình tài liệu chứng minh hàng hoá cung cấp từ nhà sản xuất có ít nhất **05** năm kinh nghiệm sản xuất các mặt hàng tương tự.
  - Nhà thầu phải xuất trình tài liệu để chứng minh hàng hoá cung cấp đã được vận hành thương mại thỏa mãn yêu cầu khách hàng sử dụng cuối cùng tối thiểu là **03** năm tính đến ngày mở thầu. (Quy định tại Chương III.Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT).
  - Nhà thầu phải xuất trình tài liệu chứng minh có dây chuyền sản xuất đáp ứng yêu cầu chế tạo theo quy định tại Chương III và yêu cầu kỹ thuật chi

tiết tại Chương V (đối với các chủng loại: cáp bọc chống thấm 24kV và cáp ngầm 24kV)

– Tài liệu chứng minh hàng hóa được ưu đãi: Báo cáo kiểm toán nội địa hóa hoặc tài liệu của Bộ Công Thương,... để chứng minh hàng hóa sản xuất được hưởng ưu đãi:

+ Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên.

+ Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

+ Trường hợp các nhà thầu chào hàng hóa có cùng ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, năm sản xuất, xuất xứ Việt Nam nhưng có nhà thầu kê khai, có nhà thầu không kê khai hàng hóa này thuộc đối tượng ưu đãi thì chủ đầu tư quyết định cho các nhà thầu không kê khai ưu đãi được làm rõ để có cơ sở đánh giá ưu đãi đối với các hàng hóa này.

Ghi chú: Do chưa xác định rõ ràng được mức thuế suất giá trị gia tăng cụ thể trong giai đoạn trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu tạm xác định mức thuế suất GTGT là 10%, nhà thầu được yêu cầu tính toán giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT và chào thầu với mức thuế suất GTGT 10%. Bên mời thầu sẽ tính toán đơn giá hàng hóa, dịch vụ chưa thuế GTGT tương ứng với mức thuế suất 10% để làm cơ sở đánh giá thầu.

## **7. Tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm và năng lực nhà thầu**

### **7.1 Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hoá thuộc phạm vi cung cấp**

– Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, EC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

– Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu

– Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.

– Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu có giá trị tối thiểu là: **79.150.000.000 VND.**

– Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự : Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là:

+ Có tính chất tương tự:

(i) **Tiêu chí 1:** Hợp đồng là hàng hóa thuộc lĩnh vực thiết bị điện với giá trị tối thiểu là 18.456.069.940 đồng

(ii) **Tiêu chí 2:** 01 hợp đồng cung cấp hàng hóa có mã HS 8544 với giá trị tối thiểu là 17.279.704.365 đồng và 01 hợp đồng cung cấp hàng hóa có mã HS 7614 với giá trị tối thiểu là 1.176.365.575 đồng.

+ Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: 18.456.069.940 đồng

– Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:

+ Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

## **7.2 Đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hoá thuộc phạm vi cung cấp**

– Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

– Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu

– Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.

– Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu có giá trị tối thiểu là : **79.150.000.000 VND**

– Năng lực sản xuất hàng hoá: Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau

+ Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 5 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:

- Cáp bọc (Mã HS 8544): 49.813 mét
- Cáp trần (Mã HS 7614): 3.459 kg

+ Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 5 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:

- Cáp bọc (Mã HS 8544): 606.064 mét
- Cáp trần (Mã HS 7614): 42.089 kg

– Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ

tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:

+ Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

**8. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:** Áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “đạt” và “không đạt”.

**9. Tiêu chuẩn đánh giá về giá:** Phương pháp giá thấp nhất.

**10. Hiệu lực của hợp đồng:** Hợp đồng có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày ký hoặc kể từ ngày phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tùy điều kiện nào đến trước).

### **11. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng**

- Giá trị đảm bảo hợp đồng: 10 % giá hợp đồng

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

+ Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

+ Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;

+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;

- Bên mua có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và tịch thu tiền bảo

lãnh tạm ứng khi Bên mua có bằng chứng trong việc Bên bán sử dụng tiền tạm ứng cho hợp đồng này sai mục đích;

- Nếu Bên bán là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên mua có quyền tịch thu bảo lãnh theo quy định tại khoản 22 Điều 140 của Nghị định 214.

- Nếu Bên bán chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên bán phải gia hạn hiệu lực Bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên mua trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

- Trường hợp hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên bán phải khắc phục thì Bên bán phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Bản sao của bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải được sao y bởi bởi Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng phát hành hoặc sao y bản chính còn hiệu lực

## **12. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.

## **13. Chứng từ giao hàng**

Bên bán phải cung cấp các thông tin và đầy đủ chứng từ nêu dưới đây cho Bên mua chậm nhất 07 ngày trước khi hàng đến. Bên mua không nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trong thời hạn nêu trên hoặc không đúng thì Bên bán phải chịu các chi phí phát sinh liên quan.

- Thông báo giao hàng: Bên bán cần gửi thông tin đến Bên mua bằng Telex/Fax xác nhận các chi tiết của chuyến hàng gửi như số và ngày hợp đồng, số kiện hàng, trọng lượng tịnh/bì bằng kg, thể tích bằng m<sup>3</sup> và trị giá, tên và công ty vận chuyển.

- Hóa đơn hợp lệ do bên Bán lập.
- Bảng kê đóng gói hàng hóa.
- Chứng nhận bảo hiểm;
- Tờ khai hàng hoá nhập khẩu và chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu; thuế GTGT do cơ quan chức năng phát hành (nếu có) (che/xoá giá)

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O (đối với hàng ngoại nhập) do Phòng Công nghiệp hoặc Thương mại của nước xuất khẩu ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị và tên nhà sản xuất;

- Biên bản tổng hợp kết quả thử nghiệm xuất xưởng của nhà sản xuất có nêu tên hàng hóa, mã hiệu [*chỉ áp dụng đối với hàng hóa có mã hiệu hàng hóa*] và số serial [*chỉ áp dụng đối với hàng hóa có số serial*] của thiết bị.

- Giấy chứng nhận về kết quả thử nghiệm cho lô hàng do một đơn vị thử nghiệm độc lập ban hành đạt yêu cầu theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật.

- Các tài liệu kỹ thuật kèm theo như: catalogue, bản vẽ, tài liệu hướng dẫn sử dụng, ...

#### 14. Bảo lãnh bảo hành

Thời gian bảo hành là 18 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 24 tháng kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho thiết bị được sửa chữa hoặc thay thế sẽ được tính là 18 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 24 tháng kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc sửa chữa thay thế do Bên Bán chịu.

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hàng hóa (chuyên cuối được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên mua chấp nhận, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên bán phải giao cho Bên mua Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên bán hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên bán gửi Bên mua phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên mua chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên bán thì Bên bán hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên bán theo thời gian yêu cầu của Bên mua. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên bán phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên mua phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên bán cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên mua có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên bán phải chịu mọi chi phí liên quan này. Thời gian sửa chữa các sai sót trong giai đoạn bảo hành là 28 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua.

Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên bán chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên bán phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên mua trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên bán không gia hạn bảo lãnh thì Bên mua có quyền tịch thu bảo lãnh.

#### 15. Tạm ứng

- Tạm ứng: 30% trị giá hàng hóa (chưa thuế GTGT) theo đơn đặt hàng của từng đợt trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Bảo lãnh tiền tạm ứng của Bên bán cho trị giá ứng trước theo đơn đặt hàng của từng đợt (theo mẫu số 19 E-HSMT) và có hiệu lực đến hết 28 ngày sau thời gian giao hàng cuối cùng theo đơn đặt hàng của từng đợt (bao gồm thời hạn được phép giao hàng trễ).

- Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (ngoại trừ Ngân hàng bị EVN hoặc EVNSPC cấm tham gia) phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.

Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên mua chưa hoàn thành nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên bán phải gia

hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên mua tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên bán không giao nộp đúng hạn, Bên mua có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên bán chi trả.

Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên mua có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau:

(i) Bên mua có bằng chứng trong việc Bên bán sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;

(ii) Bên bán không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên mua chưa thu hồi hết tạm ứng;

(iii) Bên bán không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên Mua có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên bán vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên mua có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên mua lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên bán có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên bán có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên mua có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

## 16. Phương thức thanh toán:

Hình thức thanh toán: Theo đơn đặt hàng của từng đợt.

Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản.

Các hồ sơ thanh toán gồm một (01) bản gốc và bốn (04) bản sao y bản chính của Bên Bán và đóng dấu giáp lai. Riêng các chứng từ liên quan đến bảo lãnh hợp đồng và bảo hành sản phẩm phải do Ngân hàng phát hành sao y hoặc sao y bản chính.

Các chứng từ được nêu cho các khoản thanh toán dưới đây:

(a) 30% giá trị hàng hóa (chưa thuế GTGT) theo đơn đặt hàng của từng đợt trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được ứng trước trong vòng 15 ngày ((thời điểm thực hiện tạm ứng vào thời điểm năm 2026) kể từ khi Bên mua nhận được các tài liệu sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên bán;

(ii) Bảo lãnh tiền tạm ứng của Bên bán cho đơn đặt hàng của từng đợt. Bảo lãnh tạm ứng phải được sao y bởi Ngân hàng phát hành hoặc sao y bản chính.

(iii) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

(b) 60% của trị giá hàng hóa nhận được theo đơn đặt hàng và 100% thuế GTGT của đơn đặt hàng hàng hóa sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày (thời điểm thực hiện thanh toán vào thời điểm năm 2026) kể từ khi Bên mua nhận được các tài liệu sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên bán;

(ii) Hoá đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài Chính do Bên bán lập khi giao hàng;

(iii) Bảng kê đóng gói;

(iv) Chứng nhận bảo hiểm

(v) Bản chính hoặc Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O (đối với hàng ngoại nhập) do Phòng Công nghiệp hoặc Thương mại của nước

xuất khẩu ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị và tên nhà sản xuất;

(vi) Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành có trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có mã hiệu] và số serial [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có số serial] của thiết bị;

(vii) Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất;

(viii) Kết quả kiểm tra chất lượng do một đơn vị thử nghiệm độc lập ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật (nếu có) cho lô hàng/mẫu thử.

(ix) Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của hàng hóa giữa Bên mua và Bên bán tại địa điểm giao hàng;

(c) 10% của trị giá hàng hóa còn lại (không có thuế GTGT) sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày (thời điểm thực hiện thanh toán vào thời điểm năm 2026) kể từ khi Bên mua nhận được chứng từ sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên bán;

(ii) Bản gốc Bảo lãnh bảo hành bằng 5% trị giá hàng hóa theo đơn đặt hàng của từng đợt;

(iii) Văn bản chấp nhận do Chủ dự án phát hành theo đơn đặt hàng của từng đợt.

## **17. Phạt vi phạm hợp đồng (giao hàng trễ) và bồi thường thiệt hại**

### **Phạt vi phạm hợp đồng:**

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/ tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 5%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-ĐKC, quy định chi tiết như sau:

a) Cứ mỗi tuần lễ chậm trễ do lỗi của Bên Bán so với thời gian giao hàng đã cam kết, thì Tổng công ty Điện lực miền Nam được quyền đòi bồi thường thiệt hại: 1%/Tuần trị giá hàng giao chậm.

b) Số tiền phạt do giao hàng chậm tối đa là 5% trị giá đã ấn định của số hàng hoá bị chậm trễ. Một khi đạt mức tối đa, Bên mua có thể xem xét việc chấm dứt hợp đồng

### **Bồi thường thiệt hại:**

Trường hợp hàng hóa không đảm bảo tiến độ hoặc chất lượng như cam kết gây thiệt hại cho chủ đầu tư, chủ đầu tư sẽ xem xét và yêu cầu nhà thầu bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế do lỗi của nhà thầu gây ra.

Trường hợp hàng hoá không đảm bảo chất lượng như đã cam kết, Bên A có quyền từ chối nhận hàng hoá.

## **18. Giải quyết tranh chấp**

– Bên bán và Bên mua có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

– Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa lên Tòa án có thẩm quyền nơi có trụ sở của Tổng công ty Điện lực miền Nam để giải quyết. Quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc cho cả hai bên.

– Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp: do Bên thua chịu.

## **19. Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa**

– Khi hàng đến Kho Bên Mua, hàng hóa sẽ được kiểm tra ngoại quan, số lượng thực tế bởi Hội đồng nghiệm thu gồm đại diện của Bên mua và Bên bán. Các bên sẽ làm Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng.

– Bên bán sẽ cung cấp tất cả các biên bản xác nhận chất lượng cho Bên mua và Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành có trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa và số serial của thiết bị. Các biên bản thử nghiệm phải ghi rõ ràng đầy đủ các hạng mục thử nghiệm, kết quả thử nghiệm.

– Thử nghiệm nghiệm thu: theo quy định tại phần đặc tính kỹ thuật.

– Trong trường hợp hàng hóa có sai lệch hoặc không phù hợp, Bên Bán có trách nhiệm cung cấp, với chi phí của mình, các hạng mục mới để thay thế hạng mục không đạt yêu cầu trên cơ sở giao hàng tại nơi giao hàng quy định trong hợp đồng. Bên Mua sẽ trả lại hạng mục không đạt yêu cầu, chi phí do Bên Bán chịu và thời gian giao hàng do việc sai lệch hoặc không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật sẽ không được gia hạn so với thời gian giao hàng đã giao kết trong hợp đồng và phải chịu phạt giao hàng chậm (nếu có) theo hợp đồng.

## **20. Các quy định về thuế:**

Được phép điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.